

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/DS-PT

Ngày: 31 - 3 - 2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Ngọc Bình

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 27 và ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLPT-DS ngày 05/01/2023, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐ-PT ngày 09/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐ-PT và Thông báo mở lại phiên tòa số 48/2023/TB-PT ngày 07/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số A đường Đ, phường M, thành phố BB, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1960. Địa chỉ: L KĐT Đ, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (*Văn bản ủy quyền lập ngày 30/3/2023*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số nhà B đường Đ, phường M, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số nhà H đường T, phường Q, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (*Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nghiêm Văn Th1, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tổ B, ấp HN, xã HL, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Ông Lê Xuân Tr, sinh năm 1958, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: Số nhà S đường LS, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị M.

(Bà M, bà D, ông Th, ông T1 có mặt; ông Tr, bà L, ông Th1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:*

Ngày 04/4/2004, bà và chồng là ông Nghiêm Văn Th1 (đã ly hôn năm 2014) nhận sang nhượng bằng giấy viết tay của vợ chồng ông Lê Xuân Tr, bà Nguyễn Thị L diện tích đất nông nghiệp 1.573m², thuộc thửa đất số 566; đất thổ cư 250m², thuộc thửa đất 566a, cùng tờ bản đồ E.111.IV, tọa lạc tại phường 1, Tp. Bảo Lộc. Tài sản gắn liền với đất là căn nhà xây lửng thung ván, mái lợp tôn, nền xi măng, nhà bếp, công trình phụ.

Ngày 08/4/2008, bà và ông Th1 làm thủ tục tách thửa đất số 566 thành 02 thửa đất là thửa đất số 929 diện tích 300m² và thửa đất số 930 diện tích 1.273m². Thửa đất số 929 bà và ông Th1 đã chuyển nhượng cho anh Nghiêm Công Th2 (là con riêng của ông Nghiêm Văn Th1).

Ngày 26/6/2008, anh Nghiêm Công Th2 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 929 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H.

Ngay khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông Th, bà H đã chuyển đến ở, một thời gian sau ông Th, bà H tháo dỡ căn nhà cũ, xây nhà mới. Để thuận tiện cho việc xây nhà mới giữa vợ chồng bà, ông Th1 và vợ chồng ông Th, bà H đã thỏa thuận hoán đổi vị trí đất cho nhau, dịch chuyển diện tích đất thửa 929 sát mép đường đất (đường đất 4m) đo về phía sau 30m; vợ chồng ông Th, bà H nhất trí và đã xây nhà kiên cố từ khi mua đất cho đến nay, hai bên không có tranh chấp gì.

Sau khi ly hôn năm 2014, bà được giao sử dụng diện tích đất nông nghiệp 1.273m², thuộc thửa đất số 930 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ và tạm giao quản lý diện tích đất 131m², thuộc thửa đất số 566a chưa được cấp GCNQSDĐ).

Hiện tại vợ chồng ông Th, bà H đang sử dụng diện tích đất 50m² (10m x 5m), thuộc thửa đất số 566a do bà được giao quản lý từ năm 2014 nằm phía trước mặt thửa đất số 929 và tiếp giáp với đường đi 04m. Thửa đất số 929 của vợ chồng ông Th, bà H nhận chuyển nhượng của anh Nghiêm Công Thức diện tích 300m² (10m x 30m), nhưng thực tế hiện tại ông Th, bà H đang sử dụng 310m² (10m x 31m) lấn sang thửa đất số 930 của bà 10m² (10m x 01m). Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất 50m² (chiều ngang 10m, chiều dài 5m), thuộc một phần thửa đất số 566a, tờ bản đồ E.111.IV nằm mặt trước thửa đất 929, tiếp giáp mặt đường hẻm C đường Đ, phường M, Tp. Bảo Lộc.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất lấn chiếm 10m² (10m x 01m), thuộc thửa đất số 930 tờ bản đồ E.111.IV nằm mặt sau thửa đất số 929 tiếp giáp với thửa đất số 930 của bà đang quản lý sử dụng.

Hai diện tích đất 50m² và 10m² bà khởi kiện vợ chồng ông Th, bà H trong vụ án này không liên quan đến vụ án mà bà đã khởi kiện vợ chồng ông Th, bà H năm 2019 diện tích 55m², thuộc thửa đất số 929, tờ bản đồ E.111.IV.

- Bà rút toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là căn nhà gỗ đối với vợ chồng ông Th, bà H trị giá 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thuộc thửa đất số 566a, tờ bản đồ E.111.IV, nằm trước mặt thửa đất số 929 tiếp giáp mặt đường hẻm số C đường Đ, phường M, Tp. Bảo Lộc.

Về chi phí tố tụng: Hết 12.828.000 đồng do bà tạm ứng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Thông nhất với Bản vẽ trích đo hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bảo Lộc thực hiện ngày 24/3/2022 và Biên bản định giá ngày 18/6/2021.

2. Bị đơn Nguyễn Văn Th và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

- Đối với yêu cầu trả lại diện tích đất 10m² (10m x 01m), thuộc một phần thửa đất số 930 tờ bản đồ E.111.IV tiếp giáp với mặt sau thửa đất số 929 thì vợ chồng ông Th, bà H không đồng ý. Vì diện tích đất 10m² này là một phần trong tổng diện tích đất 55m² (thuộc thửa đất số 929) mà bà M đã khởi kiện vợ chồng ông Th, bà H năm 2019 và đã được Tòa án thụ lý, giải quyết, xét xử bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 109/2019/DS-PT ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đã có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với câu này của bà M.

- Đối với yêu cầu trả lại diện tích đất 50m² (chiều ngang 10m, chiều dài 5m), thuộc một phần thửa đất số 566a, tờ bản đồ E.111.IV thuộc lộ giới đường quy hoạch hẻm số 80 đường Đ, phường M, thành phố B, theo quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 của UBND Tp. Bảo Lộc về quy hoạch phân khu điều

chính cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu dân cư A, phường M và phường 2, Tp. Bảo Lộc thì lộ giới đường hẻm số C Đ là 14m. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Về chi phí tố tụng: Chi phí hết 12.828.000 đồng do bà M tạm ứng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hoàn toàn thống nhất với Bản vẽ trích đo hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bảo Lộc, thực hiện ngày 24/3/2022 và Biên bản định giá ngày 18/6/2021.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:* Vào khoảng tháng 4 năm 2004, vợ chồng bà có chuyển nhượng cho ông Nghiêm Văn Th1 và bà Lê Thị M diện tích đất tại hẻm T đường Đ, phường M, thành phố Bảo Lộc, hai bên viết giấy tay. Sau đó, ông Nghiêm Văn Th1 và bà Lê Thị M làm thủ tục đứng tên theo quy định, diện tích đất thổ cư nằm sát đường (chưa được cấp GCNQSDĐ), thuê vợ chồng bà đóng một vài năm, sau đó ông Th1, bà M đóng tiếp, còn việc đã làm thủ tục cấp GCNQSDĐ toàn bộ diện tích đất vợ chồng bà chuyển nhượng cho bà M, ông Th1 hay chưa thì bà không nhớ. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì bà không có ý kiến gì.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nghiêm Văn Th1 trình bày:* Trước đây ông và bà M có mua căn nhà gỗ và thửa đất có diện tích khoảng 1.200m², tọa lạc tại số B Đ, phường M, Tp. B của vợ chồng ông Lê Xuân Tr, bà Nguyễn Thị L. Sau đó, ông và bà M làm thủ tục tách thửa đất và chuyển nhượng cho con trai là Nghiêm Công Th2 thửa đất 930 (tách từ thửa đất 566); thửa đất 566a giáp đường đi chưa được cấp GCNQSDĐ, căn nhà gỗ nằm trên thửa đất 566a cách mép đường khoảng 02m. Sau đó, anh Nghiêm Công Th2 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H nguyên hiện trạng căn nhà gỗ kéo dài về phía sau là 30m, chiều rộng 10m, tổng diện tích là 300m². Khi bán giao đất các bên giao theo hiện trạng, không lập văn bản, chuyển nhượng theo GCNQSDĐ. Đến năm 2014, ông và bà M ly hôn, đã phân chia tài sản xong. Nay bà M khởi kiện tranh chấp đất với ông Th, bà H thì không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của ông và ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị M đòi bồi thường thiệt do tài sản bị xâm phạm là căn nhà gỗ trị giá 50.000.000đ đối với bị đơn vợ chồng ông Th, bà H.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị M về tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai đòi bị đơn là vợ chồng ông Th, bà H phải trả lại diện tích đất 10m² (10m x 01m) ở phía mặt sau thửa 929 tiếp giáp với thửa đất số 930, tờ bản đồ E.111.IV, tọa lạc tại phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị M về “*Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai*” đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 26/9/2022, nguyên đơn bà Lê Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn không kháng cáo và không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vợ chồng ông Tr, bà L, ông Th1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*” là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

[3.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định. Người kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp diện tích 10m² (01m x 10m) đất phía sau thửa đất số 929 tiếp giáp với thửa đất số 930 thì thấy rằng:

Về tài liệu, chứng cứ và hiện trạng sử dụng đất của các đương sự tại các thửa đất 929 và 930 cơ bản không có gì thay đổi so với hồ sơ vụ án đã được Tòa án hai cấp thụ lý giải quyết năm 2019.

Như trước đây khởi kiện, bà M cho rằng ông Th, bà H lấn chiếm phần đuôi đất diện tích 50m² (chiều rộng thửa 929 là 10m x dài 5m), và hiện nay phần lấn chiếm còn lại là 1m chiều dài x 10m chiều rộng thửa đất.

Như vậy, diện tích đất 10m² tranh chấp này nằm trong diện tích đất tranh chấp 55m² đã được giải quyết tại Bản án Dân sự phúc thẩm số 109/2019/DS-PT ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tại thông báo giải quyết đơn đề nghị Giám đốc thẩm số 1544/TB-TA ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy: Không có căn cứ để kháng nghị Bản án Dân sự phúc thẩm số 109/2019/DS-PT ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo đơn đề nghị của bà Lê Thị M.

Như vậy, sự việc đã được giải quyết bằng Bản án Dân sự phúc thẩm số 109/2019/DS-PT ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà M là có căn cứ.

[3.3] Đối với yêu cầu tranh chấp buộc ông Th, bà H phải trả 50m² thuộc thửa 556a (phần lộ giới đường) phần trước thửa đất 929 thì thấy rằng:

Nguồn gốc thửa 929 của bị đơn ông Th bà H thuộc một phần của thửa 566, tờ bản đồ E 111.IV có diện tích 1.573m² được cấp GCNQSDĐ năm 1996 cho bà Nguyễn Thị L theo GCNQSDĐ số G 421828 (Bút lục 53). Sau khi bà M, ông Th1 nhận chuyển nhượng lại thửa 566 của bà L thì tiến hành tách thửa đất trên thành hai thửa, trong đó thửa 929 có diện tích 300m² (là một thửa nhỏ có chiều ngang 10m, chiều dài 30 nằm trong thửa 566 cũ), phần còn lại đổi thành thửa 930 có diện tích 1.273m² do bà M, ông Th1 quản lý. Năm 2008 bà M, ông Th1 tặng cho anh Nghiêm Công Thúc (là con riêng của ông Nghiêm Văn Th1). Sau đó, ông Thúc chuyển nhượng lại cho vợ chồng bị đơn ông Th, bà H quản lý sử dụng từ đó đến nay.

Theo họa đồ thửa đất 929 tại GCNQSDĐ cấp cho ông Nghiêm Công Th2 ngày 02/5/2008 (Bút lục 56) thể hiện: Diện tích thửa 929 là 300m², chiều ngang đầu và cuối thửa đất là 10m, chiều dài là 30m giáp thửa 930. Phía ngang trên đầu hai thửa đất giáp với thửa 566a (không thể hiện đường đi).

Tại các bản trích lục tờ bản đồ địa chính (Bút lục 63-65) thể hiện trên đầu hai thửa 929, 930 giáp với thửa 566a có diện tích 250m² rồi mới đến đường hẻm 4m. Tuy nhiên, tại trích lục bản đồ ngày 01/10/2015 (Bút lục 59) thì chỉ có thửa 930 của bà M mới giáp thửa 566a; còn thửa 929 của ông Th, bà H thì giáp trực tiếp với mép đường (không có thửa 566a).

Tại bản trích đo hiện trạng thửa đất ngày 8/9/2015 (Bút lục 61) thể hiện: Phía mép đầu của hai thửa đất là khoảng trống (không còn thửa 566a). Từ mép đất đến tim đường hiện hữu là 7m. Con đường có chiều rộng 4m nên từ mép đường đến

giáp hai thửa đất là 5m. Tại phần ghi chú của họa đồ có chú thích thửa 566a nay là thửa 1185, đồng thời họa đồ thể hiện trên đầu phía giáp với lộ giới đường của thửa 930 là thửa 1185/153m² có chiều dài từ mép đường ra sau là 15,3m, rộng 10m. Còn thửa 929 thì giáp luôn với mép đường hiện hữu. Bên cạnh đó, tại GCNQSDĐ cấp cho ông Lê Xuân Tr, bà Nguyễn Thị L ngày 20/12/2016 thể hiện ông Tr, bà L được cấp đổi với thửa 1185, diện tích 153m² và đến ngày 10/4/2017 mới chuyển nhượng lại thửa này cho bà M. Như vậy, theo trích lục ngày 01/10/2015 và các bản trích đo hiện trạng sử dụng các thửa đất cho thấy: Hiện thửa 929 do ông Th, bà H sử dụng có phía đầu thửa đất giáp với mép đường hiện hữu, tức là sử dụng cả phần thuộc quy hoạch lộ giới có chiều dài từ mép đường đến phần đất thuộc thửa 929 được cấp là 5m (5m x 10m).

Tại bản vẽ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 20/4/2021 (Bút lục 94) thể hiện: Qua đo đạc thực tế, đối chiếu với hồ sơ địa chính, lưu trữ tại cơ quan thửa 929 được cấp GCNQSDĐ số AM 472348 diện tích 300m² đất nông nghiệp nhưng thực tế đang sử dụng 360m², tăng 60m²; Thửa 930 được cấp GCNQSDĐ số G 421828 diện tích 1.273m² nhưng thực tế sử dụng 1.388m²; thửa 1185 được cấp 153m² đất ở. Phần diện tích 50m² thuộc một phần thửa 566a hộ ông Th đang sử dụng nhưng thuộc lộ giới đường quy hoạch.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 14/2014/HNGĐ-ST ngày 28/4/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc và Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm số 26/2014/HNGĐ-PT ngày 06/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, phần quyết định đã tuyên: “... *Tạm giao cho bà Lê Thị M quản lý diện tích 131m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, thuộc thửa 566a, tờ bản đồ E.111.IV, khi nào nhà nước thu hồi để triển khai dự án thì thực hiện theo quy định của nhà nước*”... (và theo Trích lục bản đồ thửa đất ngày 23/8/2011 bút lục 261 của hồ sơ vụ án hôn nhân thì thể hiện phần diện tích đất tạm giao trên không bao gồm phần diện tích đất hiện nay các bên đương sự đang có tranh chấp trong vụ án này).

Hơn nữa, trước đó khi vợ chồng bà M, ông Th1 tặng cho ông Thúc diện tích thửa 929 ông Thúc cũng đã quản lý, sử dụng cả phần đất này và bà M cũng thừa nhận tại đây còn có căn nhà gỗ. Do vậy, khi ông Thúc chuyển nhượng thửa 929 thì phần lộ giới trước nhà là đất chưa được cấp quyền sử dụng đất cho ai và theo lẽ thường phần đất lộ giới tiếp giáp với thửa đất nào thì chủ sử dụng đương nhiên được khai thác và hưởng lợi. Hơn nữa, khi nhận chuyển nhượng thửa 929 từ ông Thúc thì vợ chồng ông Th, bà H cũng đã sử dụng toàn bộ phần đất tiếp giáp đường này và đây cũng là mặt tiền để đi ra đường của thửa 929; quá trình ông Th, bà H sử dụng đất, tháo dỡ nhà cũ xây dựng nhà kiên cố bà M cũng không có ý kiến gì. Sau khi giải quyết tranh chấp đối với phần đất phía sau biết được phía trước ông Th, bà M sử dụng 50m² vào lộ giới thuộc thửa 566a nên bà M mới tranh chấp.

[3.4] Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt do tài sản bị xâm phạm là căn nhà gỗ trị giá 50.000.000 đồng nguyên đơn bà Lê Thị M đã rút yêu cầu khởi kiện và

Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử, nội dung này bà M không kháng cáo nên không đề cập đến.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, nội dung của vụ án.

Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để làm thay đổi tính chất, nội dung vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm

[5] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 12.828.000 đồng (*Mười hai triệu, tám trăm hai mươi tám ngàn đồng*) bà Lê Thị M đã nộp tạm ứng và đã được quyết toán xong. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng này.

[6] Về án phí:

Do nguyên đơn bà M sinh năm 1958 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị M

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê Thị M về tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn là vợ chồng ông Th, bà H phải trả lại diện tích đất 10m² (10m x 01m) ở phía mặt sau thửa 929 tiếp giáp với thửa đất số 930, tờ bản đồ E.111.IV, tọa lạc tại phường 1, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu Tranh chấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Lê Thị M đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H. Đối với diện tích (10 x 5) 50m² thuộc phần thửa đất số 566a nằm giáp với đường hẻm số B đường Đ và liền kề trước mặt thửa đất số 929 của vợ chồng ông Th, bà H.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị M phải tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 12.828.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm hai mươi tám ngàn đồng*).

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị M.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND Tp. Bảo Lộc (02);
- VKSND Tp. Bảo Lộc (01);
- Chi cục THADS Tp. Bảo Lộc (01);
- Dương sự (06);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh